

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày: 22/02/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 22/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 26/01/2024 đối với bị cáo:

Vương Ngọc L (Linh K), sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số A, tổ A, khu phố C, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; Trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vương Ngọc Ú**, sinh năm 1954 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960; bị cáo không có vợ; con: Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm: 2018; tiền sự: không; tiền án: Ngày 15/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 81/2019); ngày 12/01/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 07/2022/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2022).

Nhân thân: Ngày 10/7/2000, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (chấp hành xong bản án ngày 15/7/2000). Ngày 02/7/2002, bị **Ủy ban nhân dân tỉnh B** áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi “Lưu manh đánh người” (chấp hành xong ngày 05/4/2004). Ngày 19/7/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong bản án ngày 15/01/2013). Ngày 24/11/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong bản án ngày 05/7/2017). Ngày 08/8/2018, bị **Công an phường G, thành phố B** ra xử phạt hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chưa nộp phạt). Ngày 10/01/2019, bị **Ủy ban nhân dân phường G1, thành phố B** áp dụng biện

pháp giáo dục tại phường thời hạn 03 tháng (chấp hành xong ngày 12/4/2019). Ngày 15/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2020).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2023, chuyển tạm giam ngày 04/10/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Phạm Thị V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số A, đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Đỗ Đình H, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1; địa chỉ: số B, khu phố B, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số A, đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên – Giám đốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 27/9/2023, Vương Ngọc L đi bộ trên đường N ở Khu phố B, Phường G, thành phố B về nhà của mình ở Số A, Tổ A, Khu phố C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Khi đến Công ty TNHH D1 ở số B, khu phố B, phường G, thành phố B do chị Phạm Thị V, sinh năm 1986; ĐKTT tại: Số A, đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên làm chủ, thấy cửa sổ bên hông của Công ty mở, không có ai trông coi L nảy sinh ý định vào bên trong lấy trộm tài sản. L về nhà ở Số A, Khu phố C, Phường G, thành phố B lấy 01 kim cộng lực, quay lại Công ty. L dùng kim cạy bung thanh sắt song cửa sổ vào bên trong, L đến Văn phòng của công ty lấy 01 máy tính Laptop hiệu Asus màu đen; 01 Điện thoại di động hiệu Redmi note 8 màu xanh; 01 cục sạc pin máy tính laptop; 01 chuột máy tính; 01 túi vải bên trong có 01 bóp màu nâu có số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn đồng) và giấy tờ cá nhân mang tên Phạm Thị V; 01 thanh gỗ và 01 hộp gỗ để đốt hương trầm; 01 vòng tay bằng gỗ; 01 bao lì xì có tiền Đô la M và Đô la Singapo; 01 con heo đất bên trong có 2.400.000 đồng. L tẩu thoát ra ngoài và vứt bỏ bóp cùng giấy tờ lại sân của công ty. Sau đó, L đến nhà nghỉ A ở ấp B, xã B, thành phố B thuê Phòng Số 10 để nghỉ.

Ngày 28/9/2023, Cơ quan điều tra Công an thành phố B thấy L có mặt tại nhà nghỉ A nên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi L đang thuê ở phòng Số 10 nhà nghỉ Anh D phát hiện thu giữ các vật chứng, gồm: 01 (một) hộp nhựa màu vàng kích thước 44cm x 19cm x 08cm, bên trong có 01 kim cộng lực dài 41,5cm; 01 (một) túi vải màu trắng, đỏ, đen có chữ “OH BOY”, bên trong túi có: 01 (một) máy tính xách tay hiệu ASUS, màu đen; 01 (một) cục pin sạc máy tính nhãn hiệu ASUS, màu đen; 01 (một) chuột máy tính có dây màu đen; 01 (một) hộp gỗ kích thước 3,5cm x 13,5cm x 02 cm; 01 (một) ống gỗ hình trụ dài 12,5cm, đường kính 1,7cm; 01 (một) xâu chuỗi dạng tròn, có 116 hạt; Tiền Việt Nam 312.000 đồng; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 20 USD; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 05 USD; 01 (một) tờ Đô la S có mệnh giá 10 SGD; 01 nón kết màu đen; 01 (một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu

màu đen; 01 (một) quần ống ngắn, màu vàng, bên trong túi quần trước bên trái có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh.

Đối với **B** da và giấy tờ tùy thân của chị **V**, bị cáo **L** đã vứt bỏ lại sân trước Công ty và đã được bị hại **V** nhặt lại.

Kết luận định giá tài sản Số 806/KL-HĐĐG ngày 04/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố B** kết luận: Máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá tài sản ngày 27/9/2023 là: 5.000.000 đồng; Pin sạc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, màu đen, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 27/9/2023 là: 100.000 đồng; Chuột máy tính có dây, màu đen đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 27/9/2023 là: 50.000 đồng; Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, màu xanh, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 27/9/2023 là: 2.720.000 đồng; Đoạn ống hình trụ bằng gỗ, dài 13cm, màu nâu bên trong chứa các đoạn trầm hương, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 27/9/2023 là: 50.000 đồng; Hộp bằng gỗ, màu nâu, dài 13cm có nắp đậy, dùng để đốt trầm hương, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 27/9/2023 là: 200.000 đồng; Xâu chuỗi dạng hạt, màu nâu - trắng, 116 hạt, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 27/9/2023 là: 2.000.000 đồng; 01 tờ Đô la Mỹ có mệnh giá 20 USD giá mua vào ngày 27/9/2023: $20 \times 24.088 = 481.760$ đồng; 01 tờ Đô la Mỹ có mệnh giá 05 USD trị giá mua vào ngày 27/9/2023: $05 \times 24.088 = 120.440$ đồng; 01 tờ Đô la Singapore có mệnh giá 10 SGD giá mua vào ngày 27/9/2023: $10 \times 18.065 = 173.280$ đồng. Tài sản nêu trên giá trị tổng cộng 10.895.480 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại **V** tổng cộng là 16.495.480 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại **V** số tài sản thu giữ: 01 túi vải màu trắng, đỏ, đen có chữ “OH BOY; 01 máy tính xách tay hiệu ASUS, màu đen; 01 cục pin sạc máy tính nhãn hiệu ASUS, màu đen; 01 chuột máy tính có dây màu đen; 01 hộp gỗ kích thước 3,5cm x 13,5cm x 02 cm; 01 ống gỗ hình trụ dài 12,5cm, đường kính 1,7cm; 01 xâu chuỗi dạng tròn, có 116 hạt; Tiền Việt Nam 312.000 đồng; 01 tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 20 USD; 01 tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 05 USD; 01 tờ Đô la Singapore có mệnh giá 10 SGD; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, màu xanh. Đối với số tiền 5.600.000 đồng bị cáo **L** đã tiêu xài hết 5.288.000 đồng nên không thu hồi được. Đại diện bị hại **V** là anh **Võ Đình H1**, sinh năm 1997, chỗ ở: **B, đường N, Khu phố B, Phường G, thành phố B** không yêu cầu bồi thường số tiền này. Đối với cây kim cộng lực dài 41,5cm là vật chứng vụ án tiếp tục tạm giữ để xử lý theo qui định.

Quá trình điều tra, **Vương Ngọc L** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Tại cáo trạng số 07/CT-VKSTPBT ngày 22/01/214 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại **V**: 01 túi vải màu trắng, đỏ, đen có chữ “OH BOY”; 01 máy tính xách tay hiệu ASUS, màu đen; 01 cục pin sạc máy tính nhãn hiệu ASUS, màu đen; 01 chuột máy tính có dây màu đen; 01 hộp gỗ kích thước 3,5cm x 13,5cm x 02 cm; 01 ống gỗ hình trụ dài 12,5cm, đường kính 1,7cm; 01 xâu chuỗi dạng tròn, có 116 hạt; Tiền 312.000 đồng; 01 tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 20 USD; 01 tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 05 USD; 01 tờ Đô la Singapore có mệnh giá 10 SGD; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, màu xanh. Ghi nhận bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường khoản nào khác.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp nhựa màu vàng kích thước 44cm x 19cm x 08cm, bên trong có 01 kim cộng lực dài 41,5cm; 01 nón kết màu đen; 01 (một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu đen; 01 (một) quần ống ngắn, màu vàng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 22 giờ 30 phút ngày 27/9/2023 tại **Công ty TNHH D1 ở số B, khu phố B, phường G, thành phố B** đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại **Phạm Thị V** 01 máy tính laptop hiệu Asus màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 8 màu xanh; 01 cục sạc pin máy tính laptop; 01 chuột máy tính; 01 túi vải bên trong có 01 bóp màu nâu có số tiền 3.200.000 đồng và giấy tờ cá nhân mang tên **Phạm Thị V**; 01 thanh gỗ và 01 hộp gỗ để đốt hương trầm; 01 vòng tay bằng gỗ; 01 bao lì xì có tiền 25 Đô la Mỹ và 10 Đô la Singapo; 01 con heo đất bên trong có 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 16.495.480 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, mặc dù bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được nguồn sống chính của bị cáo là việc trộm cắp tài sản nên không đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 16.495.480 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và đã nhiều lần bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại **V**: 01 túi vải màu trắng, đỏ, đen có chữ “OH BOY; 01 máy tính xách tay hiệu ASUS, màu đen; 01 cục pin sạc máy tính nhãn hiệu ASUS, màu đen; 01 chuột máy tính có dây màu đen; 01 hộp gỗ kích thước 3,5cm x 13,5cm x 02 cm; 01 ống gỗ hình trụ dài 12,5cm, đường kính 1,7cm; 01 xâu chuỗi dạng tròn, có 116 hạt; Tiền Việt Nam 312.000 đồng; 01 tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 20 USD; 01 tờ tiền Đô la Mỹ có mệnh giá 05 USD; 01 tờ Đô la Singapore có mệnh giá 10 SGD; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8, màu xanh.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp nhựa màu vàng kích thước 44cm x 19cm x 08cm, bên trong có 01 kim cộng lực dài 41,5cm; 01 nón kết màu đen; 01 (một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu đen; 01 (một) quần ống ngắn, màu vàng.

Ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 5.288.000 đồng và các tài sản khác không thu hồi được. Ghi nhận người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường các tài sản bị hư hại.

[8] Đối với chị **Đỗ Hồng N** chủ nhà trọ Anh **D** cho bị cáo thuê phòng nghỉ nhưng không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đối với việc bị cáo gây hư hại

song sắt cửa sổ của Công ty TNHH D1 nhưng phía Công ty không có yêu cầu xử lý nên Cơ quan có thẩm quyền không đề cập xử lý là phù hợp. Đối với B da và giấy tờ tùy thân của chị V, bị cáo L đã vứt bỏ lại sân trước Công ty và đã được chị V nhặt lại và không có yêu cầu xử lý nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vương Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vương Ngọc L 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp nhựa màu vàng kích thước 44cm x 19cm x 08cm, bên trong có 01 kim cộng lực dài 41,5cm; 01 nón kết màu đen; 01(một) áo khoác dài tay có mũ trùm đầu màu đen; 01 (một) quần ống ngắn, màu vàng. *Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý.*

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Vương Ngọc L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P.An Hội, TP.BT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình